

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành
Dự án: Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 232/TTr-STC ngày 05/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

- Dự án: Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định.
- Cấp quyết định chủ trương đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Định.
- Địa điểm xây dựng: Số 35 đường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn.
- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022-2024.
- Thời gian khởi công, hoàn thành: 20/4/2023-31/12/2023.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt lần cuối	Giá trị phê duyệt quyết toán
	Tổng cộng chi phí	25.000.000.000	22.987.489.000
I	Chi phí xây dựng	17.164.093.000	16.794.737.000
II	Chi phí thiết bị	4.269.798.000	4.192.165.000
III	Chi phí QLDA	552.378.000	542.332.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư	1.613.364.000	1.326.584.000

1	Chi phí khảo sát địa chất	98.090.000	283.197.000
2	Chi phí lập BC NC khả thi	197.708.000	
3	Chi phí giám sát công tác khảo sát địa chất	3.994.000	3.994.000
4	Chi phí thiết kế BVTC	495.921.000	495.921.000
5	Chi phí thẩm tra TK BVTC	39.828.608	74.073.000
6	Chi phí thẩm tra dự toán	38.828.726	
7	Chi phí giám sát thi công	517.685.492	293.517.000
8	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	37.306.345	
9	Chi phí lập HSMT ĐG HS dự thầu thi công xây dựng	64.159.054	80.086.000
10	Chi phí lập HSMT đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm thiết bị	15.927.125	
11	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT tư vấn QLDA	4.425.449	
12	Chi phí lập HSMT và ĐG HSDT gói thầu TV giám sát thi công XD và lắp đặt thiết bị	4.446.393	4.446.000
13	CP thẩm định HSMT, HSYC ; Chi phí thẩm định KQ LCNT thi công XD, TB, QLDA, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị		
	<i>Gói thầu thi công xây dựng</i>	<i>16.664.690</i>	20.622.000
	<i>Gói thầu thiết bị</i>	<i>4.339.816</i>	
	<i>Gói thầu quản lý dự án</i>	<i>2.000.000</i>	
	<i>Gói thầu giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị</i>	<i>2.000.000</i>	1.963.000
14	Chi phí kiểm định chất lượng công trình hiện trạng	70.039.000	68.765.000
V	Chi phí khác	1.040.570.000	131.671.000
1	LP thẩm định DA	2.150.000	
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	87.750.000	81.850.000
3	Chi phí bảo hiểm xây lắp	20.367.954	20.367.000
4	Chi phí thẩm duyệt PCCC	1.125.000	
5	Chi phí thẩm định giá thiết bị	49.177.000	29.454.000
6	Chi phí thuê văn phòng làm việc	880.000.000	
VI	Chi phí dự phòng	359.797.000	

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

T T	Nội dung	Dự toán duyệt lần cuối	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyet	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyet	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyet
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
	Tổng cộng	25.000.000	22.987.489	17.019.620	5.967.869	0
	Vốn đầu tư công NST: ĐTTT			17.019.620		

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số	22.987.489.000	22.987.489.000		
1- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	22.987.489.000	22.987.489.000		

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

4.1 Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

4.2 Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không.**Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan****1. Trách nhiệm của chủ đầu tư**

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	22.987.489.000	
1) Vốn đã thanh toán	17.019.620.000	
- Đã bố trí : Vốn đầu tư công NST: Đầu tư tập trung	17.019.620.000	
2) Vốn còn thanh toán tiếp:	5.967.869.000	

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán (ngày 09/5/2024) là:

- Tổng nợ phải trả : 5.967.869.000 đồng, bao gồm:
 - + Chi phí xây lắp : 3.127.718.000 đồng.
 - + Chi phí thiết bị : 2.364.404.000 đồng.
 - + Chi phí QLDA : 140.084.000 đồng.
 - + Chi phí tư vấn : 224.359.000 đồng, bao gồm:
 - . CP giám sát thi công và lắp đặt TB: 155.594.000 đồng.
 - . CP kiểm định chất lượng công trình hiện trạng: 68.765.000 đồng.
 - + Chi phí khác : 111.304.000 đồng, bao gồm:
 - . CP thẩm tra phê duyệt QT : 81.850.000 đồng.
 - . CP thẩm định giá thiết bị : 29.454.000 đồng.

2. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Chịu trách nhiệm về những nội dung, công việc của từng đơn vị, cơ quan đã thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / *g*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh N.T.C.Hoàng;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K1, K14.

Ch

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng